

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 370/BC-UBND

Nga Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2018

**BÁO CÁO**  
**Kết quả nạo vét khơi thông dòng chảy,**  
**phá bỏ ách tắc trên các hệ thống kênh tiêu năm 2018.**

Thực hiện Công văn số 6525/UBND-NN, ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc nạo vét khơi thông dòng chảy, phá bỏ ách tắc trên các hệ thống kênh tiêu năm 2018.

UBND huyện Nga Sơn báo cáo kết quả nạo vét khơi thông dòng chảy, phá bỏ ách tắc trên các hệ thống kênh tiêu năm 2018 như sau:

Ngày 13/4/2018 UBND huyện Nga Sơn đã ban hành Kế hoạch số 45/UBND-NN về kế hoạch làm thủy lợi trước mùa mưa bão năm 2018. Theo đó đã có 27 xã, thị trấn tổ chức nạo vét kênh tiêu, thủy lợi nội đồng, tháo bỏ vật cản khơi thông dòng chảy toàn bộ hệ thống kênh tiêu liên xã và kênh tiêu nội đồng trên toàn huyện từ ngày 15/4 - 31/5/2018. Cụ thể như sau:

- Khối lượng thực hiện nạo vét được 23.343 m<sup>3</sup>.  
Trong đó: + Kênh liên xã 19.580m<sup>3</sup>;  
+ Kênh nội đồng 6.763m<sup>3</sup>.
- Giải phóng ách tắc, vớt bèo: được 403.080 m<sup>2</sup> bèo bồng.  
Trong đó: + Kênh liên xã 288.847m<sup>2</sup>;  
+ Kênh nội đồng 114.233m<sup>2</sup>.

(Chi tiết theo phụ biểu gửi kèm)

UBND huyện Nga Sơn báo cáo để Sở Nông nghiệp&PTNT biết và tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Sở nông nghiệp&PTNT tỉnh;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Thịnh Văn Huyền**

Phụ biểu:

**TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
**LÀM THỦY LỢI TRƯỚC MÙA MƯA LŨ NĂM 2018**  
*(Kèm theo Công văn số /BC-UBND, ngày tháng 7 năm 2018 của UBND huyện Nga Sơn)*

TT	Đơn vị xã, Thị trấn	Kế hoạch giao				Thực hiện				
		Kênh liên xã		Kênh nội đồng		Kênh liên xã		Kênh nội đồng		
		Nạo vét (m <sup>3</sup> )	Vớt bèo (m <sup>2</sup> )	Nạo vét (m <sup>3</sup> )	Vớt bèo, dọn cỏ (m <sup>2</sup> )	Nạo vét (m <sup>3</sup> )	Vớt bèo (m <sup>2</sup> )	Nạo vét (m <sup>3</sup> )	Vớt bèo, dọn cỏ (m <sup>2</sup> )	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21.565</b>	<b>441.170</b>	<b>34.802</b>	<b>315.023</b>	<b>19.580</b>	<b>288.847</b>	<b>6.763</b>	<b>114.233</b>	
1	Nga Giáp	420	9.000	360	2.400		1.500	240	1.800	
2	Ba Đình	300		1.300						
3	Nga Vịnh	200	1.000				900			
4	Nga An	150	10.000	1.568,0	2.000		9.500		1.500	
5	Nga Điền		60.000		67.100					20.160
6	Nga Thành			380	1.500			60	1.425	
7	Nga Hải		9.500	350	1.900		1.500			
8	Nga Thắng		8.000		17.800					
9	Nga Phú				5.900					5.700
10	Thị Trấn	165		155				75		
11	Nga Mỹ		1.250	725	7.750		1.000	285	7.250	



12	Nga Hưng	350	5.250	850		330	5.250	740	
13	Nga Thiện		3.700	16.080			3.200		
14	Nga Trường	100		535				453	
15	Nga Yên	100		2.893	5.250				4.450
16	Nga Văn	950		2.460		950		1.350	
17	Nga Nhân		1.000	390			1.000	390	
18	Nga Bạch	70	6.000	215			2.050	200	
19	Nga Thanh	620	29.300	860	12.900	300	29.300		12.900
20	Nga Thủy		6.000	2.500	10.000		4.500	2.500	2.500
21	Nga Thái	8.000	43.500		20.000	8.000	43.000		
22	Nga Tân	10.080	89.095	2.275		10.000	89.095		
23	Nga Liên		35.875		17.840		35.052		16.948
24	Nga Tiến		109.000		115.500		62.000		30.000
25	Nga Thạch		700	666	9.643			470	9.600
26	Nga Trung		12.500		15.540				
27	Nga Lĩnh	60	500	240	2.000				

